TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **353**/2021/DS-ST
Ngày 09-8-2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng giao khoán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Nghịch và bà Trịnh Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 191/2020/TLST-DS ngày 29/6/2020, số 193/2020/TLST-DS ngày 29/6/2020 và Quyết định nhập vụ án số 31/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng giao khoán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 335/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 26 tháng 7 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn TT2, xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Lê Công A, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Thôn TT2, xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần cà phê TL; địa chỉ: xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hoàng P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Đình B, sinh năm 1957; địa chỉ: đường D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, ông Lê Công A trình bày:*

Ngày 25/8/2011, bà Đ, ông A có đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên gửi Công ty TNHH một thành viên cà phê TL (Nay là Công ty Cổ phần cà phê TL).

Ngày 27/8/2011 giữa bà Đ và Công ty đã ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 1116/2011/HĐ-GK với nhau, theo hợp đồng thì: Bà Đ đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối trồng năm 1990 của Công ty có diện tích 9.725m^2, diện tích bờ lô 1412m^2. Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 26-3, thửa đất số 49, tờ bản đồ số 07, địa chỉ thửa đất: thuộc xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 48.008.510 đồng; Giá trị vườn cây còn lại: 28.637.244 đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 06 năm, sau đó gia hạn thêm 06 năm.

Ngày 27/8/2011 giữa ông A và Công ty đã ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 1135/2011/HĐ-GK với nhau, theo hợp đồng thì: Ông A đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối trồng năm 1990 của Công ty có diện tích 9.700m^2, diện tích bờ lô 1408m^2. Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 26-3, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất: thuộc xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 47.885.095 đồng; Giá trị vườn cây còn lại: 28.572.625 đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 06 năm, sau đó gia hạn thêm 06 năm.

Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, bà Đ, ông A đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì bà Đ, ông A phát hiện Công ty có sự gian lận. Cụ thể: Phát hiện Công ty đã gian lận chi phí nhân công cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là 86.954.753,2đồng (Bình quân một năm Công ty gian lận là 12.422.107,6 đồng/năm); Công ty đã gian lận sản phẩm cà phê quả tươi làm thành cà phê quy nhân cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là 3.038kg cà phê quả tươi, giá tiền: 8.000 đồng/kg, thành tiền là 24.304.000 đồng (Bình quân một năm là 434kg, giá tiền 8.000 đồng/kg, thành tiền là 3.472.000 đồng/năm); Công ty đã gian lận tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng cho diện tích 01ha trong 08 năm (từ năm 2011-2018) mà Công ty không trả phần 51% lẽ ra Công ty phải chịu với số tiền là 7.344.000 đồng (Bình quân một năm là 918.000 đồng/năm).

Theo đơn khởi kiện thì bà Đ, ông A yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả tổng số tiền là 118.602.753,2 đồng/1người. Tuy nhiên, khi khởi kiện bà Đ, ông A nhầm lẫn về việc yêu cầu Công ty phải trả tiền gian lận thủy lợi phí do tưới giếng cho diện tích 01ha trong 08 năm (từ năm 2011-2018) là 7.344.000 đồng/1người nhưng thực tế bà Đ, ông A tưới kênh mương nên quá trình giải quyết về tiền thủy lợi phí bà Đ, ông A thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty phải trả tiền thủy lợi phí về tiền khấu hao kênh mương trong 20 năm (từ năm 1998 - 2018) số tiền 255.000 đồng/ha/năm x 20năm = 5.100.000 đồng/1người.

Tại đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện bà Đ, ông A xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện cụ thể:

Bà Đ xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2đồng, cà phê tươi quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000đồng và một phần yêu cầu thủy lợi phí về tiền khấu

hao kênh mương từ năm 1998-2010 và năm 2018 là 5.608.084 đồng. Tổng cộng 116.866.837,2 đồng.

Nay bà Đ yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả tiền thủy lợi phí về tiền khấu hao kênh mương trên diện tích nhận giao khoán 9.725m^2 trong 07 năm (từ năm 2011 - 2017) số tiền: 255.000 đồng/ha/năm x 9.725m^2 x 07năm = 1.735.916 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì thêm.

Ông A xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2đồng, cà phê tươi quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000đồng và một phần yêu cầu thủy lợi phí về tiền khấu hao kênh mương từ năm 1998-2010 và năm 2018 là 5.612.550 đồng. Tổng cộng 116.871.303,2 đồng.

Nay ông A yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả tiền thủy lợi phí về tiền khấu hao kênh mương trên diện tích nhận giao khoán 9.700m^2 trong 07 năm (từ năm 2011 - 2017) số tiền: 255.000 đồng/ha/năm x 9.700m^2 x 07năm = 1.731.450 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì thêm.

** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Đình B trình bày:*

Công ty Cổ phần cà phê TL thừa nhận giữa Công ty với các nguyên đơn có ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê với nhau. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, các nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng. Tuy nhiên, đến niên vụ thu hoạch cà phê 2018-2019 và 2019-2020 các nguyên đơn đã không thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi cho Công ty theo đúng cam kết trong hợp đồng, là vi phạm hợp đồng giao khoán đã ký kết. Hiện nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại cho các nguyên đơn tiền thủy lợi phí về tiền khấu hao kênh mương cho diện tích đất nhận khoán, thì phía Công ty Cổ phần cà phê TL không đồng ý, vì: Công đoạn tưới nước là một công đoạn chủ yếu của việc sản xuất kinh doanh cây cà phê. Do đó, về công lao động đã được tính vào chi phí sản xuất trên 01 ha cà phê. Tại trang 9, 10 (phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã được UBND tỉnh phê duyệt đã ghi rõ). Như vậy, nếu tưới nước từ kênh mương của Công ty thì phải trả lại tiền khấu hao kênh mương, thủy lợi cho Công ty phần 49% là 245.000đồng/ha/năm. Công ty thu 500.000đồng/ha/năm tương ứng với 100% tiền khấu hao kênh mương của người nhận khoán là hoàn toàn hợp lý. Trong phần tính toán chi phí đầu tư để khấu trừ sản phẩm, Công ty đã trả 255.000đồng/ha/năm (khấu hao kênh mương phần 51%) cho người nhận khoán. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Phần tranh luận tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Đình B tranh luận: Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê TL không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Còn đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thì Công ty không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 388, 390, 392, khoản 1, 3, 7, 8 Điều 409, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Luật đất đai năm 2003.

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại tiền thủy lợi phí về tiền khấu hao kênh mương là 1.735.916 đồng.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với tổng số tiền là 116.866.837,2 đồng.

2. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công A.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công A về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại tiền thủy lợi phí về tiền khấu hao kênh mương là 1.731.450 đồng.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công A đối với tổng số tiền là 116.871.303,2 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của các nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng giao khoán" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê TL có địa chỉ tại xã HĐ, huyện K nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Các nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt các nguyên đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và được hai bên thừa nhận, thì thấy: Giữa bà Nguyễn Thị Đ, ông Lê Công A với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê TL (Nay là Công ty Cổ phần cà phê TL) có ký kết hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê với nhau. Qua xem xét các Hợp đồng trên thì thấy: Đây là hợp đồng song vụ có thời hạn, khi thực hiện việc giao kết hợp đồng các bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, về nội dung cũng như hình thức của hợp đồng hai bên đã ký kết không vi phạm pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng giao khoán thì các nguyên đơn đều đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng kể từ ngày ký hợp đồng cho đến hết niên vụ 2017-2018 và các bên không có tranh chấp gì. Tại phiên tòa các nguyên đơn thừa nhận có ký Hợp đồng song vụ này. Do đó, xác định đây là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì thấy:

Căn cứ vào Bảng phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt theo Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 và hợp đồng mà các nguyên đơn đã ký với Công ty thì: Tại Điều 1 của hợp đồng có nêu: *"1. Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê"*. Tại Điều 2, Điều 3 của Hợp đồng có nêu *"Khi vào vụ tưới nước cho cà phê, Công ty mở nước cho bên B tưới với diện tích tưới mương. Diện tích tưới mương Công ty sẽ thu tiền khấu hao hồ đập kênh mương theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm"* (điểm c khoản 2 Điều 2 của hợp đồng) và *"Đối với diện tích tưới nước trên hệ thống hồ đập, kênh mương của Công ty thì phải nộp tiền khấu hao hồ đập kênh mương cho bên A theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm"* (điểm h khoản 2 Điều 3 của hợp đồng). Mặt khác, tại trang 10 của Bảng phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt theo Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 có nêu: Chi phí khấu hao hồ đập kênh mương là 500.000đồng/ha/năm (chi phí 100% trên vườn cây). Như vậy, phần 51% của Công ty là 255.000đồng/ha/năm, còn lại phần 49% của người nhận khoán là 245.000đồng/ha/năm.

Theo hợp đồng, thể hiện cơ sở để hai bên ký kết thực hiện hợp đồng là dựa vào Bảng phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt theo Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 và đơn xin nhận khoán gọn của nguyên đơn. Tại thời điểm ký hợp đồng, việc ký kết là dựa vào Bảng phương án khoán gọn đã được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt theo Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 tuy nhiên tiền khấu hao kênh mương được Công ty nêu tại Điều 2, Điều 3 của hợp đồng so với Bảng phương án khoán đưa ra là không rõ ràng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1, 3, 7, 8 Điều 409 Bộ luật Dân sự 2005 giải thích hợp đồng dân sự như sau:

"1. Khi hợp đồng có điều khoản không rõ ràng thì không chỉ dựa vào ngôn từ của hợp đồng mà còn phải căn cứ vào ý chí chung của các bên để giải thích điều khoản đó.

...

3. Khi hợp đồng có ngôn từ có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau thì phải giải thích theo nghĩa phù hợp nhất với tính chất của hợp đồng.

...

7. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa ý chí chung của các bên với ngôn từ sử dụng trong hợp đồng thì ý chí chung của các bên được dùng để giải thích hợp đồng.

8. Trong trường hợp bên mạnh thế đưa vào hợp đồng nội dung bất lợi cho bên yếu thế thì khi giải thích hợp đồng phải theo hướng có lợi cho bên yếu thế".

Mặt khác, Công ty là chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, soạn thảo hợp đồng, đồng thời lập tờ trình số 22/TTr-CTTNHH ngày 12/02/2019 xác định "*Công ty thu nhầm tiền khấu hao kênh mương, hồ đập đối với các hộ nhận khoán gọn vườn cà phê có tưới nước trên hệ thống kênh mương, hồ đập của công ty. Thời gian thu nhầm từ năm 2011-2017 (07 năm). Mức khấu hao kênh mương, hồ đập theo phương án khoán gọn là 500.000đ/ha/năm. Theo quy định trong phương án khoán gọn phần Công ty chịu 51% là 255.000đ/ha/năm, phần hộ nhận khoán chịu 49% là 245.000.000đ/ha/năm. Nay các hộ nhận khoán đề nghị Công ty phải trả lại số tiền 51% mà Công ty đã thu nhầm. Công ty đã tiến hành kiểm tra rà soát và tính toán cụ thể theo từng năm số tiền mà công ty đã thu nhầm là 255.000đ/ha/năm phải trả cho hộ nhận khoán gọn có tưới nước trên hệ thống kênh mương, hồ đập của Công ty 7 năm là 1.266.242.988đ*". Ngày 24/4/2019, Công ty ban hành Thông báo số 72/TB-Ct nội dung "*Công ty thanh toán khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ đập đã thu của các hộ nhận khoán gọn vườn cà phê (phần 51%) từ năm 2011-2017 (có bảng kê chi tiết, cụ thể từng hộ nhận khoán gọn vườn cà phê được nhận kèm theo)"*. Ngày 07/11/2020 Công ty ban hành Thông báo 714/TB-CT mời các hộ nhận khoán đến Văn phòng công ty trực tiếp nhận lại tiền khấu hao kênh mương, hồ đập. Như vậy, Thông báo số 72 và Thông báo 714 của Công ty được xem như điều khoản bổ sung, giải thích cho điều khoản không rõ ràng của hợp đồng khoán gọn và có lợi cho những hộ nhận khoán.

Tại phiên tòa Công ty có cung cấp các tài liệu là: Phương án tưới nước cho cà phê năm 2011 ngày 06/01/2011; Thông báo thu tiền khấu hao hồ đập kênh mương ngày 14/12/2011; Phương án tưới nước cho cà phê năm 2012 ngày 08/01/2012; Thông báo không thu tiền thuê đất và các khoản thu khác năm 2012; Thông báo về thu khấu hao hồ đập kênh mương từ năm 2013 đến năm 2017; Tờ trình ngày 06/01/2021 của Công ty Cổ phần cà phê TL gửi Sở tài chính và UBND tỉnh Đắk Lắk; Công văn số 490/STC-TCDN ngày 25/02/2021 của Sở tài chính; Công văn số 53/2021/CV-CTCP ngày 01/3/2021 của Công ty Cổ phần cà phê TL phúc đáp Công văn số 490/STC-TCDN ngày 25-02-2021 của Sở tài chính; Báo cáo số 886/STC-BC ngày 08/4/2021 của Sở tài chính tỉnh Đắk Lắk; Công văn số 3489/UBND-KT ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thanh toán tiền khấu hao kênh mương thủy lợi tại Công ty Cổ phần cà phê TL; Công văn số 4987/UBND-KT ngày 07/6/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi Công văn số 3489/UBND-KT ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh; Quyết định số

11c/2021/QĐ-CTCP ngày 03/8/2021 của Công ty Cổ phần cà phê TL. HĐXX xét thấy, căn cứ vào Hợp đồng khoán gọn được ký kết giữa các nguyên đơn với Công ty, căn cứ vào Bảng phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt theo Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 và lời trình bày của các bên đương sự để xem xét quá trình thực hiện hợp đồng của các bên. Việc Công ty ban hành Thông báo số 72 và Thông báo 714 của Công ty là để giải thích được xem như điều khoản bổ sung, giải thích cho điều khoản không rõ ràng của hợp đồng khoán gọn. Do đó, Công ty cho rằng việc ban hành tờ trình số 22/TTr-CTTNHH ngày 12/02/2019; Thông báo số 72/TB-Cty ngày 24/4/2019 và Thông báo số 714/TB-CTCP ngày 07/11/2020 là sai nên Công ty ra Quyết định thu hồi số 11c/2021/QĐ-CTCp ngày 03/8/2021 để thu hồi tờ trình và các thông báo trên không làm thay đổi bản chất của Hợp đồng khoán gọn mà các bên đã ký kết và Bảng phương án khoán gọn nên không có căn cứ để xem xét.

Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê TL trả tiền thủy lợi phí về tiền khấu hao kênh mương từ năm 2011 đến năm 2017 đối với diện tích đất nhận khoán, cụ thể: Bà Nguyễn Thị Đ với số tiền là 1.735.916 đồng (Trong 07 năm, năm 2011- 2017), ông Lê Công A với số tiền là 1.731.450 đồng (Trong 07 năm, năm 2011- 2017).

Quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, ông Lê Công A rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Bà Đ xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2đồng, cà phê tươi quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000đồng và một phần yêu cầu về thủy lợi phí về tiền khấu hao kênh mương từ năm 1998-2010 và năm 2018 là 5.608.084 đồng. Tổng cộng 116.866.837,2 đồng. Ông A xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2đồng, cà phê tươi quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000đồng và một phần yêu cầu về thủy lợi phí về tiền khấu hao kênh mương từ năm 1998-2010 và năm 2018 là 5.612.550 đồng. Tổng cộng 116.871.303,2 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ, ông A. Bà Nguyễn Thị Đ, ông Lê Công A được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn nên bị đơn Công ty Cổ phần cà phê TL phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 388, 390, 392, khoản 1, 3, 7, 8 Điều 409, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ;

- Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Luật đất đai năm 2003;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

Tuyên xử:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại tiền thủy lợi phí về tiền khấu hao kênh mương trên diện tích nhận giao khoán 9.725m^2 trong 07 năm (từ năm 2011 - 2017) là 1.735.916 đồng (Một triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm mười sáu đồng).

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2đồng, cà phê tươi quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000đồng và một phần yêu cầu về thủy lợi phí về tiền khấu hao kênh mương từ năm 1998-2010 và năm 2018 là 5.608.084 đồng. Tổng cộng 116.866.837,2 đồng *(Một trăm mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm ba mươi bảy phẩy hai đồng)*. Bà Nguyễn Thị Đ được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Công A:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công A về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại tiền thủy lợi phí về tiền khấu hao kênh mương trên diện tích nhận giao khoán 9.700m^2 trong 07 năm (từ năm 2011 - 2017) là 1.731.450 đồng (Một triệu, bảy trăm ba mươi mốt nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công A về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2đồng, cà phê tươi quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000đồng và một phần yêu cầu về thủy lợi phí về tiền khấu hao kênh mương từ năm 1998-2010 và năm 2018 là 5.612.550 đồng. Tổng cộng 116.871.303,2 đồng *(Một trăm mười sáu triệu, tám trăm bảy mươi mốt nghìn, ba trăm lẻ ba bảy phẩy hai đồng)*. Ông Lê Công A được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê TL phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ số tiền 2.965.000 đồng (Hai triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0009811 ngày 26/6/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Lê Công A số tiền 2.965.000 đồng (Hai triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0009812 ngày 26/6/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đình Nam